

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HỌP**

**VỀ VIỆC rà soát, giải quyết các nội dung liên quan đến kiến nghị của Hiệp hội Khai thác đá và Sản xuất vật liệu xây dựng Khánh Hòa**

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2899/STNMT-KS-NKTTV&BDKH ngày 12/7/2021, Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa tại Công văn số 1168/CCTKV-KKNV ngày 27/7/2021 và kiến nghị của Hiệp hội Khai thác đá và Sản xuất VLXD Khánh Hòa tại Văn bản số 1807/VP-HH ngày 18/7/2021, Văn bản số 908/VP-HH ngày 09/8/2021, Văn bản số 2308/VP-HH ngày 24/8/2021;

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 21/9/2021 tại Văn phòng Sở Tài chính, các cơ quan tham gia dự họp gồm các thành viên sau:

**1. Đại diện Sở Tài chính:**

- Ông Lê Quốc Thành, Phó Giám đốc Sở;
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Phó Trưởng phòng Quản lý giá;

**2. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Ông Hoàng Anh Hào, Phó trưởng Phòng – Phụ trách phòng Khoáng sản – Nước – Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu;

**3. Đại diện Sở Xây dựng:**

- Ông Phan Văn Thành, Chuyên viên Phòng Quản lý chất lượng;

**4. Đại diện Sở Công Thương:**

- Ông Lê Bảo Bình, Chuyên viên phòng Quản lý công nghiệp môi trường;

**5. Đại diện Cục Thuế tỉnh:**

- Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng, Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ Dự toán - Pháp chế;

**6. Đại diện Chi cục Thuế thành phố Nha Trang:**

- Ông Trần Sơn Nam, Đội trưởng Đội Kiểm tra thuế Số 3;

**7. Đại diện Chi cục Thuế khu vực Nam Khánh Hòa:**

- Ông Lê Minh Thông, Chi Cục Trưởng;
- Ông Phan Minh, Công chức Đội Kiểm tra thuế;

**8. Đại diện Chi cục Thuế khu vực Bắc Khánh Hòa:**

- Có mời nhưng vắng mặt;

**9. Đại diện Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa:**

- Ông Nguyễn Trọng Huy, Đội trưởng Đội Kiểm tra Số 1

## I. NỘI DUNG CUỘC HỌP:

Rà soát, giải quyết kiến nghị của Hiệp hội Khai thác đá và Sản xuất VLXD Khánh Hòa tại Văn bản số 1807/VP-HH ngày 18/7/2021, Văn bản số 908/VP-HH ngày 09/8/2021, Văn bản số 2308/VP-HH ngày 24/8/2021 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2899/STNMT-KS-NKTTV&BĐKH ngày 12/7/2021, Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa tại Công văn số 1168/CCTKV-KKNV ngày 27/7/2021 về việc giải quyết các nội dung liên quan đến kiến nghị của Hiệp hội Khai thác đá và Sản xuất VLXD Khánh Hòa.

## II. Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN CUỘC HỌP:

**1. Đối với các kiến nghị liên quan đến giá tính thuế tài nguyên đất san lấp và đá sau nổ mìn, đá xô bồ (khoáng sản khai thác) trên địa bàn tỉnh:**

### 1.1. Đối với giá tính thuế tài nguyên đất san lấp:

a) Nội dung quy định hiện hành:

Theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau thì khung giá tính thuế tài nguyên đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình là 27.000 – 70.000 đồng/m<sup>3</sup>. Căn cứ khung giá tính thuế tài nguyên của Bộ Tài chính, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2021; UBND tỉnh quy định chi tiết giá tính thuế tài nguyên đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình thành 2 loại gồm: đất Bazan nguyên khai 49.000 đồng/m<sup>3</sup>, đất san lấp 60.000 đồng/m<sup>3</sup>

b) Ý kiến của các cơ quan, đơn vị:

b1) Kiến nghị của Hiệp hội Khai thác đá và Sản xuất VLXD Khánh Hòa:

Hầu hết đất bóc tầng phủ ở các mỏ đá là loại đất chỉ san nền, rất ít loại có thể đắp đường đạt K95, K98. Có 4 cấp đất nhưng giá tính thuế tài nguyên chỉ tính một mức 60.000 đồng/m<sup>3</sup> là không phù hợp, thực tế không có mỏ nào có thể bán được giá này. Do đó, Hiệp hội đề nghị quy định giá tính thuế tài nguyên chi tiết theo cấp đất (cấp đất được xác định theo hồ sơ khảo sát thăm dò và thiết kế cơ sở và kết quả thí nghiệm mẫu đất khi bán), cụ thể giá chưa bao gồm thuế GTGT là:

+ Đất cấp 4 giá 54.545 đồng/m<sup>3</sup> (hầu hết các mỏ đá không có loại này).

+ Đất cấp 3 giá 36.364 đồng/m<sup>3</sup>.

+ Đất cấp 2 giá 27.273 đồng/m<sup>3</sup>

+ Đất cấp 1 giá 18.182 đồng/m<sup>3</sup>.

b2) Ý kiến thống nhất của các thành viên cuộc họp.

Theo ý kiến của Hiệp hội Khai thác đá và Sản xuất VLXD Khánh Hòa thì cấp đất được xác định theo hồ sơ khảo sát thăm dò và thiết kế cơ sở và kết quả

thí nghiệm mẫu đất khi bán. Nhưng theo lĩnh vực quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản thì cấp đất này để làm cơ sở tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Hiện nay, hầu hết các công trình san lấp đều sử dụng chung đất bóc tầng phủ là đất san lấp. Mặt khác, không phải tất cả khu vực khai thác đều có hồ sơ thăm dò khoáng sản (đối với các dự án khai thác khoáng sản thì giấy phép được cấp trên cơ sở hồ sơ khảo sát thăm dò, đối với giấy phép khai thác khoáng sản trong dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc nạo vét khơi thông,... thì không có hồ sơ thăm dò khoáng sản).

Tuy nhiên, thực tế các khu vực (mỏ đất, đá) được cấp phép khai thác khoáng sản đất san lấp hiện nay có 02 loại gồm: khai thác đất san lấp tại mỏ đất và khai thác đất san lấp tại mỏ đá.

Qua rà soát các hóa đơn, chứng từ của các doanh nghiệp do Hiệp hội cung cấp và giá bán đất của các doanh nghiệp theo Công bố giá VLXD Quý I/2021 kèm theo Công văn số 856/CBGVL-SXD ngày 29/3/2021 và Quý II/2021 kèm theo Công văn số 1944/CBGVL-SXD ngày 30/6/2021 của Sở Xây dựng (theo *Biểu tổng hợp đính kèm*); các Sở ngành thống nhất chi tiết giá tính thuế tài nguyên năm 2022 đối với đất san lấp (giá chưa bao gồm thuế GTGT) như sau:

- Đất san lấp khai thác tại mỏ đất: 50 000 đồng/m<sup>3</sup>.
- Đất san lấp khai thác tại mỏ đá (đất tầng phủ): 40.000 đồng/m<sup>3</sup>.

**1.2. Đối với giá tính thuế tài nguyên đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá xô bồ (khoáng sản khai thác):**

a) Nội dung quy định hiện hành:

Tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020, Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá xô bồ (khoáng sản khai thác) là 70.000 – 100.000 đồng/m<sup>3</sup>. Căn cứ khung giá tính thuế tài nguyên của Bộ Tài chính, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2021; UBND tỉnh quy định giá tính thuế tài nguyên đối với đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá xô bồ là 100.000 đồng/m<sup>3</sup> (*Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh ban hành hàng năm, trong đó mức giá tính thuế tài nguyên đối với đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá xô bồ 100.000 đồng/m<sup>3</sup> được giữ ổn định từ năm 2017 đến nay*).

b) Ý kiến của các cơ quan, đơn vị:

b1) Kiến nghị của Hiệp hội Khai thác đá và Sản xuất VLXD Khánh Hòa:

Đề nghị điều chỉnh giảm giá tính thuế tài nguyên đối với đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá xô bồ xuống mức tối thiểu theo khung giá của Bộ Tài chính tại Thông tư số 05/2020/TT-BTC (từ 100.000 đồng/m<sup>3</sup> xuống 70.000 đồng/m<sup>3</sup>).

b2) Ý kiến thống nhất của các thành viên cuộc họp:

Theo kiến nghị của Hiệp hội Khai thác đá và Sản xuất VLXD Khánh Hòa, Sở Tài chính đã có Công văn số 3041/STC-QLG ngày 03/8/2021 và Công văn số 3170/STC-QLG ngày 12/8/2021 đề nghị Hiệp hội cung cấp hồ sơ, chứng

từ thuyết minh giá bán đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá xô bồ của các doanh nghiệp khai thác đá.

Qua rà soát, các Sở ngành nhận thấy 04 doanh nghiệp xác định chi phí, giá thành đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá xô bồ gồm: Công ty TNHH Mạnh Cường 68.917 đồng/m<sup>3</sup>, DNTN Thanh Danh 67.088 đồng/m<sup>3</sup>, Công ty CP Á Châu 47.805 đồng/m<sup>3</sup>, Công ty CP Xây dựng Vân Phong 66.956 đồng/m<sup>3</sup>. Tuy nhiên, các doanh nghiệp chỉ liệt kê, tính toán các khoản mục chi phí mà chưa cung cấp các hồ sơ, chứng từ để thuyết minh số liệu và cơ sở tính toán các khoản mục chi phí. Vì vậy, các Sở ngành không có cơ sở rà soát chi phí, giá thành sản xuất đá.

Căn cứ giá bán thực tế qua kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế và phương án hoạt động chế biến khoáng sản thì đá sau nổ mìn là nguyên liệu chính để đưa vào xay, nghiền, sản để tạo ra các loại đá thành phẩm như đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6,.. Trong khi giá tính thuế tài nguyên các loại đá thành phẩm này đã được điều chỉnh tăng nhưng đá sau nổ mìn từ năm 2017 đến nay chưa được điều chỉnh tăng. Trong giai đoạn hiện nay và sắp đến, các hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình giao thông, đặc biệt là dự án cao tốc Bắc Nam trên địa bàn tỉnh đòi hỏi nhu cầu về khoáng sản là rất lớn. Do đó, việc điều chỉnh giảm giá đá sau nổ mìn trong bối cảnh hiện tại là không phù hợp.

Mức giá tính thuế tài nguyên đá hỗn hợp sau nổ mìn 100.000 đồng/m<sup>3</sup> đã được UBND tỉnh ban hành áp dụng từ ngày 01/10/2017 đến nay, phù hợp với khung giá tính thuế tài nguyên của Bộ Tài chính; đồng thời các địa phương lân cận như tỉnh Bình Định, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Phú Yên cũng quy định mức giá 100.000 đồng/m<sup>3</sup>. Vì vậy, các Sở, ngành thống nhất giữ nguyên theo mức giá hiện hành là 100.000 đồng/m<sup>3</sup>.

## **2. Đối với các kiến nghị về tỷ lệ quy đổi khoáng sản:**

a) Kiến nghị của Hiệp hội tại Văn bản số 1807/VP-HH ngày 18/7/2021:

Hiện nay, tỷ lệ quy đổi được quy định tại Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND tỉnh đối với đá 1x2 = 1,23m<sup>3</sup> đá phôi, đá 2x4 = 1,15m<sup>3</sup> đá phôi, đá 4x6 = 1,1m<sup>3</sup> đá phôi. Việc tính thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và quy đổi sản lượng khai thác của doanh nghiệp theo tỷ lệ này hoàn toàn không phù hợp thực tế, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp.

b) Ý kiến của Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa:

Tại Công văn số 1168/CCTKV-KKNV ngày 27/7/2021, Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa đề nghị điều chỉnh tỷ lệ quy đổi một số loại khoáng sản không kim loại (đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá cấp phôi) tại Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND tỉnh.

c) Ý kiến của các thành viên cuộc họp:

Căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 về việc ban hành tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra

số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 2049/STNMT-KS ngày 16/5/2019 thông báo đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND. Tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường (không sử dụng tỷ lệ quy đổi số lượng khoáng sản nêu trên để tính thuế tài nguyên; việc tính thuế tài nguyên khoáng sản đá thành phẩm đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá cấp phối căn cứ vào sản lượng khoáng sản thành phẩm thực tế).

Nội dung này, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ có văn bản trả lời Hiệp hội hoặc tham mưu UBND tỉnh giải quyết theo thẩm quyền.

### **3. Đối với các kiến nghị về thu thuế tài nguyên trên thành phẩm sau chế biến và thu thuế tài nguyên đối với đá mi, bụi:**

#### **3.1. Đối với việc thu thuế tài nguyên trên giá thành phẩm sau chế biến:**

a) Kiến nghị của Hiệp hội tại Văn bản số 1807/VP-HH ngày 18/7/2021:

Thuế tài nguyên thu trên giá thành phẩm chế biến mà không trừ chi phí chế biến là thuế chồng thuế, phí chồng phí, chưa phù hợp quy định. Đề nghị thu thuế tài nguyên trên giá đá sau nổ mìn.

b) Ý kiến của Đại diện Cục Thuế tỉnh và các Chi Cục Thuế:

Cục Thuế tỉnh đã có Công văn số 946/CT-THNVDT ngày 06/02/2018 và Công văn số 2502/CT-THNVDT ngày 03/5/2018 kiến nghị về việc xác định sản lượng và giá tính thuế tài nguyên đối với đá khai thác làm vật liệu xây dựng thông thường. Ngày 28/5/2018, Tổng Cục Thuế có Công văn số 2048/TCT-CS về việc thuế tài nguyên đá làm vật liệu xây dựng thông thường; theo đó Tổng Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ) quy định:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế tài nguyên khai thác quy định tại Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều này ..

*Căn cứ giá tính thuế tài nguyên đã xác định để áp dụng sản lượng tính thuế đối với đơn vị tài nguyên tương ứng. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó”*

- Tại Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên:

“Điều 6. Giá tính thuế tài nguyên

*Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định; Trường hợp giá bán đơn vị sản*

*phẩm tài nguyên thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định thì tính thuế tài nguyên theo giá do UBND cấp tỉnh quy định...*

1. Đối với loại tài nguyên xác định được giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên: Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên có cùng phẩm cấp, chất lượng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được áp dụng cho toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác trong tháng; Giá bán của một đơn vị tài nguyên được tính bằng tổng doanh thu (chưa có thuế GTGT) của loại tài nguyên bán ra chia cho tổng sản lượng tài nguyên tương ứng bán ra trong tháng..."

.....

3. Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (bán trong nước hoặc xuất khẩu)

a) Trường hợp bán ra sản phẩm tài nguyên thì giá tính thuế là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên (trường hợp bán trong nước) tương ứng với sản lượng tài nguyên bán ra ghi trên chứng từ bán hàng hoặc trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu (trường hợp xuất khẩu) không bao gồm thuế xuất khẩu tương ứng với sản lượng tài nguyên xuất khẩu ghi trên chứng từ xuất khẩu nhưng không thấp hơn giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định.

Căn cứ quy định trên, trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường, sau nổ mìn được bán ra, một phần đưa vào xây, nghiền thành sản phẩm đá các ly mới bán ra thì việc xác định sản lượng và giá tính thuế tài nguyên, kê khai thuế trong kỳ như sau:

- Trường hợp đá khai thác sau nổ mìn, được phân loại theo sản lượng của từng loại đá như: đá tảng, đá hộc, đá dăm các loại và được bán ra thì áp dụng giá bán đơn vị của từng loại đá để xác định giá tính thuế tài nguyên cho toàn bộ sản lượng đá cùng loại thu được trong kỳ (gồm: Sản lượng đá sau khai thác thu được qua phân loại và sản lượng đã đưa vào xây nghiền thu được trong kỳ, không phân biệt đã tiêu thụ hết hay tồn kho) nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên đơn vị của mỗi loại đá do UBND cấp tỉnh quy định.

- Trường hợp đá khai thác sau nổ mìn, được đưa toàn bộ vào xây, nghiền, phân loại sản phẩm đá các ly (đá dăm các loại) mới bán ra thì áp dụng giá bán đơn vị của từng loại đá bán ra để xác định giá tính thuế tài nguyên cho sản lượng từng loại đá thu được qua xây, nghiền, phân loại nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên đơn vị của mỗi loại đá do UBND cấp tỉnh quy định.

Như vậy, giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên tương ứng ghi trên chứng từ bán hàng (hóa đơn). Trường hợp trong kỳ khai thác, đá khai thác sau khi nổ mìn thu được đá xô bồ và được sàng tuyển, xây, nghiền, phân loại sản phẩm đá các ly (đá dăm các loại) để bán ra thì trường hợp kê khai nộp thuế tài nguyên theo sản lượng và giá bán của từng loại đá thu được qua xây, nghiền, phân loại (sản phẩm tài nguyên) nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên đơn vị của mỗi loại đá do UBND cấp tỉnh quy định. Nếu giá bán đơn vị của từng loại đá thấp hơn giá tính thuế đơn vị tài nguyên của loại đá tương ứng do UBND cấp tỉnh quy định thì áp dụng giá tính thuế đơn vị tài nguyên của loại đá đó do UBND cấp tỉnh quy định để kê khai nộp thuế tài

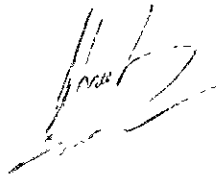
nguyên trong tháng và quyết toán thuế tài nguyên năm. Do đó, việc cơ quan thuế áp dụng giá bán đơn vị của từng loại đá bán ra để xác định giá tính thuế tài nguyên cho sản lượng từng loại đá thu được qua xay, nghiền, phân loại là phù hợp quy định; không có việc thuế chồng thuế, phí chồng phí như kiến nghị của Hiệp hội.

### 3.2. Đối với việc thu thuế tài nguyên đối với đá mi, bụi:

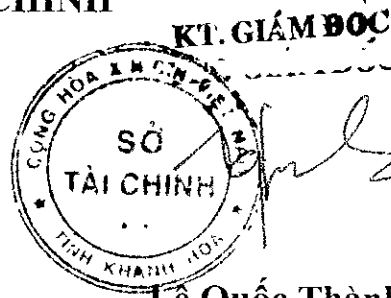
Tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020, Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với đá bụi, mặt đá là 60.000 – 100.000 đồng/m<sup>3</sup>. Căn cứ khung giá tính thuế tài nguyên của Bộ Tài chính, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2021; UBND tỉnh quy định giá tính thuế tài nguyên đối với đá bụi, mặt đá là 100.000 đồng/m<sup>3</sup>. Việc thu thuế tài nguyên đối với đá mi, bụi là phù hợp quy định hiện hành.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, biên bản được đọc lại cho các thành viên dự họp nghe, thống nhất nội dung biên bản và ký tên /.

#### SỞ TÀI CHÍNH

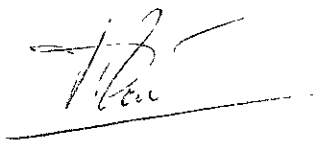


**Nguyễn Thị Thu Hằng**



**Lê Quốc Thành**

#### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



**Hoàng Anh Hào**

#### SỞ CÔNG THƯƠNG



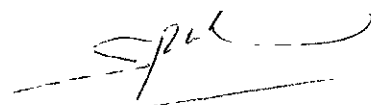
**Lê Bảo Bình**

#### SỞ XÂY DỰNG



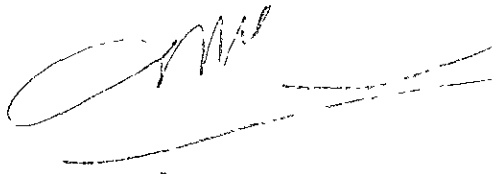
**Phan Văn Thành**

#### CỤC THUẾ



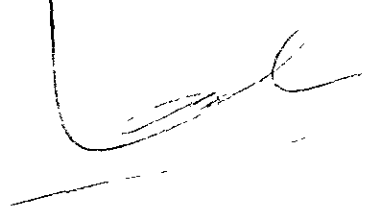
**Nguyễn Thị Diệu Hồng**

**CHI CỤC THUẾ TP NHA TRANG**



**Trần Sơn Nam**

**CHI CỤC THUẾ KHU VỰC  
NAM KHÁNH HÒA**

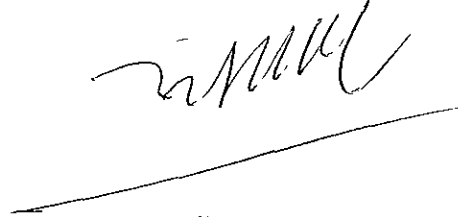


**Lê Minh Thông**

**CHI CỤC THUẾ KHU VỰC  
BẮC KHÁNH HÒA**

*Vàng mắt*

**CHI CỤC THUẾ KHU VỰC  
TÂY KHÁNH HÒA**



**Nguyễn Trọng Huy**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ ĐẤT CÁC DOANH NGHIỆP TRONG HIỆP HỘI KHAI THÁC ĐÁ & SX VLXD KHÁNH HÒA**

Đơn vị tính: Đồng/m<sup>3</sup>

TT	Tên đơn vị	Loại tài nguyên	Cấp đất	Số, ngày/Hợp đồng hoặc Công bố giá VLXD	Số hóa đơn	Giá bán theo	Giá bán theo	Giá bán theo	Thặng dư	Giá bán theo
						Hợp đồng (đá bao gồm thuế GTGT, thuế tài nguyên, phí BVMT)	Hợp đồng (đá bao gồm thuế GTGT, thuế tài nguyên, phí BVMT)	Giá bán theo (đá bao gồm thuế GTGT (thuế suất 10%))	(thuế suất 0%)	Giá bán theo (đá bao gồm thuế tài nguyên (thuế suất 10%))
1 Công ty TNHH Mạnh Cường										
1.1 NĂM 2019										
			2	06/HDKT/MC-TP ngày 16/10/2019		32.000		29.091	4.200	24.891
		Đất khai thác tại mỏ đá Bô Đà, xã Van Lương, huyện Van Ninh	2	01/PLHDKT/2019 ngày 22/11/2019	0021878 ngày 05/3/2020	35.000		31.818	4.200	27.618
1.2 NĂM 2021										
			2	02/HDKT/MC-315 ngày 02/3/2021	0022749	38.000		34.545	4.200	30.345
		Đất đắp khai thác tại mỏ đá Bô Đà, xã Van Lương, huyện Van Ninh	3	01/HDMB/MC-KA ngày 11/5/2021	0022981 ngày 24/6/2021	40.000		36.364	4.200	32.164
		Đất tầng phủ khai thác tại mỏ đá Bô Đà, xã Van Lương, huyện Van Ninh	2		0022701 ngày 05/01/2021			37.000	4.200	29.436
2 Công ty Thanh Danh										
3 Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng ADC (Mỏ đá Hòn Dốc Mỏ)										
3.1 NĂM 2019										
			2			44.000		40.000	4.200	35.800

Tên đơn vị	Loại tài nguyên	Cấp đất	Số, ngày, Hợp đồng hoặc Công bố giá VLXD	Số hóa đơn	Giá bán theo Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT, thuế tài nguyên, phí BVMT)	Giá bán theo Hóa đơn (đã bao gồm thuế GTGT, thuế tài nguyên, phí BVMT)	Giá bán chưa bao gồm thuế GTGT (thuế suất 10%)	Thuế tài nguyên (thuế suất 7%)	Giá bán chưa bao gồm thuế tài nguyên (thuế suất 7%)
3.2 NĂM 2020	Đất khai thác tại mỏ Hòn Giốc Mơ, đạt tiêu chuẩn K98	2	21/HĐKT/ADC-XL1 ngày 01/3/2019	0075056 ngày 22/3/2019	24 000	24 000	21 818	4 200	17 618
	Đất khai thác tại mỏ Hòn Giốc Mơ	2	191001/HĐMB-HGM ngày 09/10/2019	0075075 ngày 30/10/2019	24 000	24 000	21 818	4 200	17 618
	Đất khai thác tại mỏ Hòn Giốc Mơ	2	200301/HĐMB-HGM ngày 27/3/2020	0075091 ngày 31/5/2020	23.000	23 000	20 909	4 200	16 709
	Đất khai thác tại mỏ Hòn Giốc Mơ	3	201101/HĐMB-HGM ngày 12/11/2020	0005573 ngày 04/3/2021	40.000	35.000	36 364	4 200	32 164
3.3 NĂM 2021	Đất khai thác tại mỏ Hòn Giốc Mơ	3	01-0121/HĐMB-HGM ngày 02/01/2021	0005575 ngày 10/3/2021	40 000	40 000	36 364	4 200	32 164
	Đất khai thác tại mỏ Hòn Giốc Mơ	2	25/2021/HĐMB-HGM ngày 01/6/2021	0005589 ngày 08/6/2021	35.000	40.000	31 818	4 200	27 618
4 Công ty CP Á Châu		1		số 0011029 ngày 29/8/2020 và số 0011041 ngày 31/8/2021		9 000	8 182	4 200	3 982
		4		0010927	46 000		41 818	4 200	37 618
	Đất san lấp (K95) tại mỏ đá Á Châu, Quốc lộ 27C, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh, giá bán trên phương tiện vận chuyển bên mua	K95 (cấp 3)	Công bố giá VLXD Quý I/2021 (theo Công văn số 856/CBGVL-SXD ngày 29/3/2021 của Sở Xây dựng và Thông báo số 2312/2020/ASC ngày 23/12/2020 của Công ty Á Châu)		50 000		45 455	4 200	41 255

TT	Đơn vị	Loại tài nguyên	Cấp độ	Số ngày Hợp đồng hoặc Công bố giá VLXD	Số hóa đơn	Giá bán theo Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT thuế tại nguyên phụ	Giá bán theo Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT thuế tại nguyên phụ	Giá bán chưa bao gồm thuế GTGT (thuế suất 10%)	Thuế giá trị gia tăng (thuế suất 5%)	Giá bán chưa bao gồm thuế GTGT (thuế suất 7%)
5	Công ty CP Xây dựng Vân Phong	Đất bóc tầng phủ tại mỏ đá Bô Đà 3 Đất, đá phong hóa bóc tầng phủ tại mỏ đá Bô Đà 3	3	01/2021/HĐMB/VP-HP ngày 01/4/2021 03/2021/HĐKTV/P-KA ngày 05/7/2021	0000101 ngày 30/6/2021 0000109 ngày 03/8/2021	35.000 42.000	35.000 42.000	31.818 38.182	4.200 4.200	27.618 33.982
6	Công ty VLXD Hồ Sâu		3	12/2019/HĐMB/MP-HS 09/2020/HĐMB/QH-HS		33.000 33.000		30.000 30.000	4.200 4.200	25.800 25.800
7	Công ty CP VT Thiết bị và XDGT Khánh Hòa	Đất tại mỏ đá Núi Sầm, Ninh Hòa, giá bán trên phương tiện vận chuyển bên mua		Công bố giá VLXD Quý I/2021 (theo Công văn số 856/CBGVL-SXD ngày 29/3/2021 của Sở Xây dựng)		60.000		54.545		
		Đất tại mỏ đá Hòn Ngang, Diên Khánh, bán trên phương tiện vận chuyển bên mua		Công bố giá VLXD Quý I/2021 và Quý II/2021 (theo Công văn số 856/CBGVL-SXD ngày 29/3/2021 và Công văn số 1944/CBGVL-SXD ngày 30/6/2021 của Sở Xây dựng)		55.000		50.000		
		Đất tại mỏ đá Hòn Ngang, Diên Khánh, bán trên phương tiện vận chuyển bên mua (giá theo Hợp đồng)		Thông báo giá số 76/TB-VT/B ngày 21/6/2021 (áp dụng từ ngày 01/7/2021)		45.000		40.909		

Tên đơn vị	Loại tài nguyên	Số, ngày Hợp đồng hoặc Công bố giá VLXD	Số hóa đơn	Giá bán theo Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT, thuế tài nguyên, phí BVMT)	Giá bán theo Hóa đơn (đã bao gồm thuế GTGT, thuế tài nguyên, phí BVMT)	Giá bán chưa bao gồm thuế GTGT (thuế suất 10%)	Thuế tài nguyên (thuế suất 7%)	Giá bán chưa bao gồm thuế tài nguyên (thuế suất 7%)
	Đất tại mỏ đá Hòn Ngang, Diên Khánh, bán trên phương tiện vận chuyển bên mua (giá tiền liền)	Thông báo giá số 76/TB-VTTB ngày 21/6/2021 (áp dụng từ ngày 01/7/2021)		35 000		31 818		
8	Công ty TNHH Đầu tư khai thác khoáng sản Thuận Phát	Công bố giá VLXD Quý I/2021 và Quý II/2021 (theo Công văn số 856/CBGVL-SXD ngày 29/3/2021 và Công văn số 1944/CBGVL-SXD ngày 30/6/2021 của Sở Xây dựng)		55 000		50 000		
	Đất san lấp tại mỏ đá Hòn Nhon, Cam Hòa, Cam Lâm, bên mua chịu trách nhiệm bốc xúc, vận chuyển	Chi Cục Thuế Nam KH cung cấp thông tin HĐ số 01/2020/HDKT/TP-TĐM	01 ngày 14/1/2021	45 000		40 909		

Ghi chú Giá tính thuế tài nguyên hiện đang áp dụng là

60 000 đồng/m<sup>3</sup>